

THỐNG KÊ TÀI KHOẢN QUỐC GIA 60 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Bùi Bá Cường^(*)

Ngày 06 tháng 5 năm 1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh 61/SL thành lập Bộ Quốc dân Kinh tế bao gồm các phòng, ban và nha trực thuộc trong đó có Nha Thống kê Việt Nam. Những cán bộ đầu tiên làm thống kê cân đối, thống kê tài chính lúc này đồng thời kiêm nhiệm những nhiệm vụ khác.

Ngày 20 tháng 02 năm 1956 Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định 695/TTg thành lập Cục Thống kê trung ương, trong đó quy định công tác “thống kê về sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân và bảng cân đối kinh tế quốc dân” thuộc phòng thống kê Tổng hợp của Cục thống kê trung ương.

Ngày 26 tháng 12 năm 1960, Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phê chuẩn nghị quyết của Hội đồng Chính phủ lập Tổng cục Thống kê thành cơ quan trực thuộc Chính phủ. Năm 1961, thành lập phòng thống kê Cân đối kinh tế quốc dân nằm trong Vụ Tổng hợp của Tổng cục Thống kê, năm 1968 là phòng thống kê Cân đối kinh tế quốc dân trong Vụ Tổng hợp II, ông Vũ Hoàng là phó vụ trưởng phụ trách công tác Cân đối. Năm 1969, thành lập phòng thống kê Cân đối kinh tế quốc dân và thống kê Tài chính thuộc vụ Tổng hợp II (gọi tắt là phòng thống kê Cân đối), Trưởng phòng là ông Trần Anh Ba.

Trong thời kỳ này, chỉ tiêu Thu nhập quốc dân cũng bắt đầu được tính cho các địa phương để phục vụ cho công tác lãnh đạo toàn diện của Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố. Tại cơ quan thống kê địa phương thường bố trí 1 đến 2 cán bộ chịu trách nhiệm về thống kê Cân đối thuộc phòng thống kê Tổng hợp. Từ đó đến nay, công tác tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp cho địa phương luôn giữ vị trí quan trọng trong sự phát triển chung của thống kê Cân đối Việt Nam.

Năm 1970 thành lập Vụ thống kê Cân đối kinh tế quốc dân sau này là Vụ Thống kê Cân đối, Tài chính, Ngân hàng, Vụ trưởng là ông Vũ Hoàng. Sau khi trở thành một vụ độc lập, công tác thống kê Cân đối kinh tế quốc dân có bước phát triển mới cả về chức năng, nhiệm vụ và cả về công tác cán bộ. Trong thời kỳ này, Tổng cục Thống kê bổ sung cho thống kê Cân đối nhiều cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản ở các trường đại học trong và ngoài nước. Nhiều cán bộ được cử đi học thêm về nghiệp vụ chuyên môn, chính trị và đào tạo phó tiến sĩ ở nước ngoài. Đây là lực lượng cán bộ có nhiều đóng góp cho sự phát triển công tác này, không chỉ sau khi thống nhất đất nước mà cho cả các thời kỳ sau.

Ở miền Nam, trước giải phóng, chính quyền Sài Gòn đã thành lập Viện Thống kê Quốc gia. Một trong các nhiệm vụ của thống

^(*) Vụ trưởng Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia

kê chính quyền Sài Gòn là tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp của miền Nam Việt Nam theo phương pháp của Liên hợp quốc.

Năm 1975, sau khi đất nước được thống nhất, thống kê Cân đối Tài chính, Ngân hàng đã khắc phục nhiều khó khăn để triển khai công tác ở các tỉnh phía Nam và chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng được hệ thống thống kê Cân đối, Tài chính, Ngân hàng thống nhất toàn quốc. Năm 1980, phương pháp tính các chỉ tiêu cơ bản của Cân đối KTQD, thống kê Tài chính, Ngân hàng đã được tập huấn phổ biến cho cán bộ làm thống kê Cân đối ở Trung ương và các địa phương trong cả nước.

Từ những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ trước, với sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, thống kê Việt Nam từng bước nghiên cứu và áp dụng hệ thống Tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc (SNA) vào Việt Nam. Bắt đầu từ năm 1993, chính thức sử dụng hệ thống này thay thế cho Hệ thống Bảng Cân đối kinh tế quốc dân (MPS).

Năm 1994, Vụ thống kê Cân đối Tài chính, Ngân hàng đổi tên là Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia.

Năm 2003, căn cứ vào Nghị định số: 101/2003/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê, theo Quyết định số: 641/QĐ-TCTK của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia phụ trách các lĩnh vực sau:

- Thống kê Tài khoản quốc gia
- Thống kê Vốn đầu tư và giá trị Tài sản cố định
- Thống kê Tài chính và Tín dụng

- Thống kê dịch vụ (các chỉ tiêu giá trị) của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

- Thống kê hoạt động làm thuê công việc gia đình và hoạt động của các tổ chức quốc tế.

Hoạt động thống kê Cân đối kinh tế quốc dân, nay là thống kê Tài khoản quốc gia, từ 1946 đến nay

Thời kỳ 1946-1954: Trong thời kỳ này, cách mạng dân tộc và dân chủ có 2 nhiệm vụ chiến lược: vừa kháng chiến vừa kiến quốc. Yêu cầu thông tin vĩ mô phục vụ sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và Chính phủ chủ yếu về các lĩnh vực về dân số, lao động, đất đai, sản xuất nông nghiệp, thu chi ngân sách quốc gia. Trong những năm 1950-1954, do sự ra đời của hệ thống Tài chính Ngân hàng Quốc gia, yêu cầu đối với công tác thống kê cân đối tăng lên, tính cân đối thu chi ngân sách và các nguồn lực cho các ngành các cấp để thực hiện 2 nhiệm vụ: giảm tô ở hậu phương và chuẩn bị Tổng phản công. Nguồn thông tin chủ yếu khai thác từ các tư liệu, số liệu của các ngành tổng hợp như Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và tư liệu, số liệu của chế độ cũ.

Thời kỳ 1955 - 1975: Cùng với sự phát triển của cơ quan thống kê nhà nước, công tác thống kê cân đối kinh tế quốc dân có những bước tiến lớn ở mọi mặt, đặt nền móng cho công tác này trong những năm tiếp theo. Thống kê cân đối với sự giúp đỡ của chuyên gia nước ngoài đã nghiên cứu xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê cân đối kinh tế quốc dân của Trung ương và địa phương. Sản phẩm thông tin thống kê cân

đối KTQD ngày càng phong phú, đa dạng để phục vụ nhu cầu thông tin của Đảng và Nhà nước trong chỉ đạo công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng CNXH ở miền Bắc. Đó là các chỉ tiêu Tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân, quỹ tích lũy, quỹ tiêu dùng... làm cơ sở cho việc tính toán tốc độ tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong từng thời kỳ kế hoạch 3 năm 1958-1960 và các kế hoạch 5 năm. Về mặt tổ chức và cán bộ, hệ thống tổ chức thống kê Cân đối kinh tế quốc dân được hoàn thiện dần từ cấp Trung ương đến địa phương, cơ sở, đội ngũ cán bộ được tăng cường về số lượng và được đào tạo có hệ thống. Đây là những tiền đề rất quan trọng để phát triển công tác thống kê Cân đối kinh tế quốc dân trong những năm sau.

Ở miền Nam, thống kê chính quyền Sài Gòn đã tính được chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước, Tích lũy tài sản, Tiêu dùng cuối cùng... theo phương pháp của Liên hợp quốc. Sau khi thống nhất đất nước, các kết quả tính toán này đã được sử dụng để tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp cho toàn quốc.

Về nghiệp vụ: Năm 1957, lần đầu tiên chỉ tiêu Thu nhập quốc dân được tính thử ở nước ta. Đồng chí Vũ Hoàng được phân công làm công tác này, tính Thu nhập quốc dân cho năm 1956. Phương pháp tính dựa vào bản dịch về "Thống kê thu nhập quốc dân" từ tiếng Trung Quốc do đồng chí Nguyễn Văn Kha cung cấp. Từ năm 1957 về sau, chỉ tiêu này được tính hàng năm theo hai loại giá cố định năm 1956 và thực tế.

Công tác thống kê Cân đối kinh tế quốc dân ngày càng được Tổng cục và Chính phủ quan tâm nên đã phát triển nhanh chóng. Để

đáp ứng yêu cầu thông tin phục vụ Đại hội III của Đảng (1960), trong đó có nhiệm vụ quan trọng là xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1961-1965 nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH và đấu tranh thống nhất đất nước, nội dung các bảng Cân đối kinh tế quốc dân chủ yếu đã phản ánh cân đối giữa sản xuất - tiêu dùng - tích lũy; thu chi ngân sách; cân đối các nguồn lực trong nước và ngoài nước (viện trợ, vay nợ), cân đối lao động, lương thực. Thống kê Cân đối KTQD Việt Nam đã lập được một số bảng cân đối chủ yếu của nền kinh tế, cụ thể là:

+ Bảng cân đối vật chất, cân đối Tổng sản phẩm xã hội và Thu nhập quốc dân (còn gọi là bảng cân đối vật chất tổng hợp).

+ Một phần bảng cân đối phân phối và phân phối lại Thu nhập quốc dân (còn gọi là bảng cân đối tài chính tổng hợp).

+ Một phần bảng cân đối thu - chi tiền tệ của dân cư.

+ Bắt đầu nghiên cứu phương pháp luận về Bảng cân đối liên ngành

Bên cạnh các Bảng cân đối trên, thống kê Cân đối KTQD đã phối hợp với các Vụ thống kê Nông nghiệp, Công nghiệp, Vật tư, các vụ thống kê chuyên ngành khác và thống kê các Bộ, ngành lập các bảng cân đối sản phẩm Nông nghiệp, Công nghiệp, vật tư chủ yếu, cân đối lương thực, cân đối xuất - nhập khẩu, cân đối nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê tài sản cố định, vốn sản xuất, tài chính xí nghiệp để làm căn cứ cho việc tính toán tích lũy tài sản phân theo ngành và thành phần kinh tế phục vụ cho việc chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Ngoài ra, trong thời

kỳ chiến tranh phá hoại miền Bắc của Mỹ, thống kê cân đối KTQD đã cùng với các thống kê chuyên ngành thực hiện báo cáo thống kê về thiệt hại chiến tranh .

Trong thời kỳ này, chỉ tiêu Thu nhập quốc dân đã được sự quan tâm của Đảng và Chính phủ. Trong một số năm, chỉ tiêu này được Quốc hội thông qua và coi như chỉ tiêu pháp lệnh. Tốc độ tăng trưởng của Thu nhập quốc dân cũng được đưa vào các kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Do yêu cầu quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước, công tác thống kê cân đối KTQD không chỉ được tổ chức triển khai ở Trung ương mà còn được nghiên cứu áp dụng cho phạm vi tỉnh, thành phố và đã tính được một số chỉ tiêu cân đối chủ yếu phục vụ cho yêu cầu chỉ đạo của Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố. Các chế độ báo cáo, hướng dẫn nghiệp vụ được hoàn thiện dần trở thành một kênh thông tin quan trọng cho việc tính các chỉ tiêu cân đối cho toàn quốc.

Hệ thống thông tin thống kê cân đối được xây dựng và từng bước kiện toàn theo 2 kênh chính: báo cáo và điều tra định kỳ theo chế độ của thống kê các tỉnh và thành phố và báo cáo thống kê, hạch toán định kỳ của các cơ quan xí nghiệp và các bộ, các ngành. Thống kê chuyên ngành của Tổng cục Thống kê cung cấp cho thống kê cân đối KTQD chỉ tiêu Giá trị sản lượng các ngành kinh tế theo giá cố định và giá thực tế, phân theo thành phần kinh tế. Thống kê cân đối tính các chỉ tiêu tổng hợp và lập các bảng cân đối KTQD.

Trong thời kỳ này, thống kê cân đối KTQD còn có nhiệm vụ làm báo cáo phân

tích về kết quả sản xuất và sử dụng Thu nhập quốc dân thông qua các bảng cân đối KTQD hàng năm, các bảng cân đối sản phẩm và vật tư chủ yếu, hiệu quả đầu tư, cân đối tiền - hàng,... Nhiều bản phân tích của thống kê Cân đối đã được Chính phủ sử dụng và đánh giá cao.

Về phương pháp chế độ: Phương pháp thống kê cân đối kinh tế quốc dân của các nước xã hội chủ nghĩa mà chủ yếu là Liên Xô và Trung Quốc đã được nghiên cứu và áp dụng phù hợp với thực tiễn nước ta. Trong hoàn cảnh khó khăn của công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của CNXH ở miền Bắc, thời kỳ này cũng ghi nhận bước tiến bộ về phương pháp chế độ của thống kê cân đối KTQD ở Việt Nam. Từ những bảng cân đối giản đơn ban đầu, thống kê cân đối KTQD đã nghiên cứu hoàn thiện phương pháp thu thập thông tin, tính toán để lập các bảng cân đối KTQD có tính tổng hợp cao. Việc bắt đầu sử dụng công cụ tính toán hiện đại - máy tính MINSK 32 vào công tác tổng hợp, xử lý thông tin đã góp phần nâng cao chất lượng công việc của công tác thống kê cân đối. Phương pháp chế độ thống kê cân đối kinh tế quốc dân đã được các cán bộ làm thống kê tổng hợp và thống kê cân đối nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện qua từng thời kỳ.

Trong những năm đầu, chưa có các văn bản chính thức quy định phương pháp tính Thu nhập quốc dân, cán bộ làm công tác này căn cứ vào tài liệu của các nước XHCN và tham khảo thêm tài liệu của các nước tư bản có được để tính toán, kết quả được lãnh đạo chấp nhận. Năm 1960, thống kê Cân đối đã soạn thảo cuốn sách hướng dẫn

phương pháp tính Thu nhập quốc dân, dựa vào các tài liệu của Thống kê Trung quốc và Liên xô, chủ biên là ông Vũ Hoàng. Thông tin để tính Thu nhập quốc dân chủ yếu do các thống kê nghiệp vụ cung cấp như chỉ tiêu Giá trị sản lượng của các ngành, ngoài ra còn được khai thác từ các cơ quan tổng hợp như Tài chính, Ngân hàng, Kế hoạch.

Ngày 17 tháng 9 năm 1970, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 168-TTg về ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê và chế độ thống kê chính thức cho toàn quốc, trong đó có Hệ thống chỉ tiêu Cân đối kinh tế quốc dân. Căn cứ vào Quyết định số 168-TTg, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã ký ban hành các chế độ báo cáo thống kê như:

+ Quyết định số: 145/PPCĐ-TK quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về Tài chính

+ Quyết định số: 146/PPCĐ-TK quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về Ngân hàng

+ Quyết định số: 149/PPCĐ-TK quy định hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức và phương pháp tính cân đối kinh tế quốc dân.

Các chế độ báo cáo thống kê này là cơ sở lý luận và pháp lý quan trọng để công tác thống kê cân đối đi vào ổn định và thống nhất, đây cũng là tiền đề để xây dựng và phát triển công tác thống kê cân đối KTQD và Tài chính trong các thời kỳ tiếp theo, và cho đến nay, một số nội dung vẫn tiếp tục được sử dụng.

Thời kỳ 1976-1986.

Sau khi thống nhất đất nước, thống kê cân đối đã nhanh chóng tiếp cận tìm hiểu

phương pháp tính cân đối của thống kê chính quyền Sài gòn, thu thập thông tin, số liệu lịch sử tính chuyển đổi phù hợp với phương pháp tính cân đối của miền Bắc để tính chung cho cả nước. Đào tạo cán bộ làm thống kê cân đối cho các vùng mới giải phóng.

Đường lối xây dựng Chủ nghĩa xã hội, kế hoạch 5 năm 1976-1980 và 1981-1990 đã được Đại hội IV, V của Đảng thông qua với nhiều chỉ tiêu kinh tế tổng hợp quan trọng như tốc độ tăng Tổng sản phẩm xã hội và Thu nhập quốc dân bình quân đầu người/năm, tỷ lệ tích lũy, tiêu dùng, thu chi ngân sách...chung cho cả nước và từng địa phương. Vì vậy, công tác thống kê cân đối phát triển cả về nội dung, phương pháp và tổ chức thực hiện. Trước và sau đại hội V của Đảng, kết quả lập bảng Cân đối vật chất tổng hợp đã được Đảng và Nhà nước sử dụng để đánh giá thực trạng nền kinh tế của nước ta và hoạch định chiến lược kinh tế của đất nước, chỉ tiêu Thu nhập quốc dân đã được Quốc hội thông qua và coi đó là chỉ tiêu pháp lệnh. Hàng năm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đều có các yêu cầu về thông tin chi tiết của bảng Cân đối vật chất tổng hợp để phục vụ cho công tác kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân.

Về nghiệp vụ: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê cân đối kinh tế quốc dân ở Việt Nam. Đã tiến hành lập một số bảng cân đối kinh tế tổng hợp thuộc hệ thống bảng Cân đối kinh tế quốc dân. Trong giai đoạn này báo cáo thống kê cân đối kinh tế quốc dân thực hiện mỗi năm 1 lần gồm các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp và các bảng cân đối chính thức năm báo cáo và ước tính cho năm sau. Các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp và các bảng cân đối kinh tế quốc dân đều

được tính theo giá thực tế và giá so sánh năm gốc. Các chỉ tiêu Tổng sản phẩm xã hội, Tiêu hao vật chất, Thu nhập quốc dân được phân theo 8 ngành kinh tế quốc dân, theo cấp quản lý (trung ương, địa phương) và phân theo 3 thành phần kinh tế: quốc doanh và công tư hợp doanh; tập thể; tư nhân và cá thể. Trên phạm vi cả nước cũng như các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hàng năm đã tính được hệ thống các chỉ tiêu phân tích kinh tế vĩ mô như: tỷ lệ Quỹ tiêu dùng so với Thu nhập quốc dân, tỷ lệ Quỹ tích lũy so với Thu nhập quốc dân, Chênh lệch xuất, nhập khẩu hàng hoá so với Thu nhập quốc dân, các chỉ tiêu về năng suất lao động, các chỉ tiêu về hiệu quả đồng vốn, thu, chi ngân sách Nhà nước...

Để phục vụ cho chủ trương xây dựng huyện thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, hoạt động thống kê cân đối đã nghiên cứu xác định nội dung kinh tế và kế hoạch hoá cấp huyện. Gần một trăm huyện trọng điểm trong cả nước đã tiến hành lập Bảng cân đối vật chất tổng hợp và một phần Bảng cân đối thu chi tiền tệ của dân cư trên phạm vi lãnh thổ của huyện.

Năm 1983 triển khai lập thử nghiệm bảng cân đối liên ngành với 24 nhóm ngành sản phẩm trên cơ sở vận dụng kinh nghiệm của Thống kê khối SEV vào điều kiện Việt Nam phù hợp với cơ chế kế hoạch hoá tập trung. Để thực hiện công tác này năm 1982 đã thành lập tổ Cân đối liên ngành.

Trong thời kỳ này, hoạt động hợp tác quốc tế cũng rất sôi động. Các tổ chức quốc tế như Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), Liên hợp quốc luôn yêu cầu thống kê Việt Nam cung cấp những số liệu về các chỉ tiêu

Tổng sản phẩm xã hội và Thu nhập quốc dân. Để phục vụ yêu cầu phân tích, thống kê Cân đối đã tiến hành một số tính toán so sánh quốc tế một số chỉ tiêu cơ bản.

Tổng cục Thống kê đã mời nhiều chuyên gia từ Cục thống kê Trung ương Liên Xô sang Việt Nam giảng các khoá về Thống kê kinh tế và Hệ thống bảng Cân đối kinh tế quốc dân. Tổng cục Thống kê cũng đã cử nhiều đoàn sang Liên xô và các nước thuộc khối SEV để học tập và khảo sát kinh nghiệm về tính toán các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp và lập hệ thống bảng Cân đối kinh tế quốc dân. Đồng thời, một số chuyên gia ngắn hạn và dài hạn của thống kê cân đối Việt Nam đã được cử sang giúp đỡ công tác thống kê cân đối ở 2 nước Lào và Cam pu chia.

Về phương pháp chế độ: Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các phương pháp thu thập thông tin, tính toán, phân tổ, phân tích các chỉ tiêu thống kê cân đối, đảm bảo tính thống nhất giữa trung ương với các địa phương, phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội và tổ chức thống kê nước ta. Đồng thời đảm bảo khả năng so sánh với thống kê khối SEV.

Trên cơ sở hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về cân đối kinh tế quốc dân áp dụng cho các tỉnh, thành phố phía Bắc ban hành kèm theo Quyết định 168-TTg ngày 17-9-1970; Vụ Thống kê Cân đối cùng với Vụ Phương pháp chế độ đã nghiên cứu và thiết kế hệ biểu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về thống kê cân đối kinh tế quốc dân, thống kê Tài chính, Ngân hàng áp dụng cho các tỉnh phía Nam.

Thống kê Cân đối đã cùng với Trung tâm tính toán Thống kê Trung ương nghiên cứu xây dựng chương trình xử lý thông tin và tính toán các chỉ tiêu chủ yếu của hệ thống Cân đối kinh tế quốc dân trên máy tính.

Thời kỳ từ 1987 đến nay:

Từ năm 1987 cả nước thực hiện đường lối đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo. Quản lý kinh tế của Việt Nam đã chuyển từ cơ chế quản lý kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường định hướng XHCN, có sự quản lý của Nhà nước. Để đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế xã hội theo đường lối đổi mới, hoạt động thống kê Cân đối phải có phương pháp hạch toán mới thay cho Hệ thống bảng Cân đối kinh tế quốc dân. Áp dụng hệ thống Tài khoản quốc gia vào Việt Nam là yêu cầu tất yếu của công cuộc xây dựng và quản lý nền kinh tế quốc dân. Về vấn đề này, các Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII đã khẳng định rõ ràng và đặt ra các yêu cầu cụ thể qua các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp như GDP, GNI, Tích lũy, Tiêu dùng, Để dành, Tài chính ngân hàng, lạm phát... Đại hội IX của Đảng ta lại khẳng định mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Vì vậy, yêu cầu trọng tâm đối với công tác thống kê kinh tế tổng hợp của thời kỳ 1987 đến nay là đổi mới nội dung thống kê cân đối, chuyển từ Hệ thống Cân đối kinh tế quốc dân sang hệ thống Tài khoản quốc gia. Năm 1988, thống kê Cân đối KTQD đã thử nghiệm tính chuyển chỉ tiêu Thu nhập quốc dân sang chỉ tiêu Tổng sản phẩm trong nước (GDP) để phục vụ cho yêu cầu gia nhập các

tổ chức quốc tế của Việt Nam và đồng thời làm căn cứ để các tổ chức quốc tế nghiên cứu các chính sách viện trợ phát triển cho Việt Nam.

Với sự giúp đỡ của các tổ chức thống kê quốc tế, sau 3 năm nghiên cứu (1989-1992), ngày 25/12/1992 Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 183/ TTg, quy định, kể từ năm 1993 trở đi, Việt Nam chính thức áp dụng Hệ thống Tài khoản quốc gia (SNA) để tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp chủ yếu và biên soạn các tài khoản, bảng biểu của SNA cho phạm vi cả nước và cho các tỉnh, thành phố.

Về nghiệp vụ: Từ khi chính thức áp dụng Hệ thống Tài khoản quốc gia đến nay, thống kê TKQG Việt Nam đã từng bước phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Các sản phẩm thống kê ngày càng đa dạng phong phú, phục vụ kịp thời cho yêu cầu quản lý kinh tế trong nước cũng như cho các tổ chức quốc tế. Công tác nghiệp vụ thống kê TKQG chia làm 2 giai đoạn:

Giai đoạn từ 1987 đến 1992: tiếp tục phát triển công tác của thời kỳ trước đồng thời nghiên cứu áp dụng Hệ thống TKQG vào Việt Nam.

Giai đoạn từ 1993 đến nay:

- Các chỉ tiêu Giá trị sản xuất; Chi phí trung gian; Giá trị tăng thêm và GDP được ước tính và tính chính thức theo quý và năm đồng thời cũng chia theo ngành, thành phần kinh tế; theo giá thực tế và giá so sánh. Các chỉ tiêu Tích lũy tài sản; Tiêu dùng cuối cùng; Chênh lệch xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ; Tổng thu nhập quốc gia (GNI); Thu nhập quốc gia khả dụng (NDI); Để dành,... tính theo năm. Lập thử nghiệm các

tài khoản sản xuất, thu nhập và phân phối thu nhập theo các khu vực thể chế; tài khoản vốn, tài sản; tài khoản quan hệ kinh tế với nước ngoài. Các báo cáo phân tích kinh tế thông qua các chỉ tiêu, bảng biểu của Tài khoản quốc gia

- Lập các bảng cân đối liên ngành (I/O) cho năm 1989 với 54 ngành; năm 1996 với 97 ngành và năm 2000 với 112 ngành.

- Định kỳ một số năm xuất bản cuốn số liệu lịch sử về Tài khoản quốc gia, tài chính nhà nước, ngân hàng tiền tệ, kèm theo phân tích tổng quan tình hình phát triển kinh tế xã hội của đất nước qua từng thời kỳ.

Hệ thống tài khoản quốc gia của Liên Hợp Quốc mới được áp dụng ở Việt Nam còn rất nhiều vấn đề cần nghiên cứu và hoàn thiện. Vì vậy, công tác nghiên cứu khoa học về thống kê SNA thời kỳ này đã được triển khai rộng rãi. Nhiều đề tài khoa học về lĩnh vực này đã giải quyết các vấn đề về phương pháp luận, về vận dụng vào thực tế hoạt động công tác thống kê, góp phần từng bước mở rộng phạm vi áp dụng hệ thống TKQG vào Việt Nam.

Cùng với những đổi mới về công tác đối ngoại của nước ta và sự mở rộng hợp tác trong lĩnh vực thống kê của Tổng cục, thời kỳ này hoạt động hợp tác quốc tế của thống kê TKQG cũng rất sôi động. Tổ chức Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã tài trợ cho các dự án để tăng cường năng lực cho thống kê TKQG Việt Nam trong quá trình chuyển đổi sang Hệ thống TKQG. Bên cạnh đó, thống kê TKQG Việt Nam đã có các hoạt động hợp tác và giúp ngành thống kê Lào trong lĩnh

vực này. Cán bộ, chuyên viên thống kê TKQG Việt Nam đã tham gia nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế về các vấn đề có liên quan và đã có những đóng góp vào việc nghiên cứu các vấn đề của thống kê của các nước trong khu vực và quốc tế. Thống kê TKQG Việt Nam thường xuyên cung cấp các số liệu tổng hợp, trao đổi thông tin và các vấn đề nghiệp vụ có liên quan với các tổ chức quốc tế như: thống kê Liên Hợp Quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB)...., với thống kê các nước trong khu vực và một số nước khác. Những hoạt động này góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ cán bộ làm thống kê TKQG và uy tín của thống kê TKQG Việt Nam.

Để áp dụng Hệ thống Tài khoản quốc gia vào Việt Nam, một hoạt động quan trọng của thống kê TKQG là củng cố và tăng cường sự phối hợp với các Bộ ngành nhằm đổi mới phương pháp thu thập số liệu phục vụ biên soạn SNA. Trong thời kỳ này, sự phối hợp giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ, ngành đặc biệt là Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có nhiều biến chuyển quan trọng. Công tác thống kê tài chính nhà nước, thống kê ngân hàng tiền tệ, thống kê của các bộ, ngành đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển công tác thống kê Tài khoản quốc gia.

Để đáp ứng yêu cầu công tác trong thời kỳ mới, việc đào tạo đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm thống kê TKQG từ trung ương đến địa phương được Tổng cục rất quan tâm. Hàng loạt các lớp, các khoá đào tạo, khảo sát, thực tập, huấn luyện được tổ chức ở trong nước và ở nước ngoài cùng với đội ngũ cán bộ trẻ, đào tạo chính quy được bổ sung

đã góp phần quyết định sự phát triển của công tác thống kê TKQG trong thời gian qua.

Về phương pháp chế độ: áp dụng Hệ thống Tài khoản quốc gia vào Việt Nam là cả một quá trình lâu dài. Trong quá trình đó không thể xoá bỏ toàn bộ cái cũ, mà phải biết kế thừa những nội dung đã được thực tế thừa nhận, chuyển đổi những nội dung chưa phù hợp, xây dựng những nội dung mới do thực tế quản lý nền kinh tế thị trường đòi hỏi và trong quá khứ chưa từng có. Đây là một quan điểm xuyên suốt trong quá trình áp dụng SNA ở Việt Nam. Kinh nghiệm này của Việt Nam đã được các tổ chức thống kê quốc tế và nhất là các nước có nền kinh tế chuyển đổi sang kinh tế thị trường, đánh giá là có tính thực tiễn và hiệu quả cao.

Quá trình chuyển đổi từ một phương pháp luận này sang một phương pháp luận khác không phải đơn giản chỉ là nhận thức lý luận mà còn liên quan đến việc tổ chức thực hiện, xây dựng lại hệ thống thông tin và phương pháp hạch toán. Để áp dụng SNA vào Việt Nam, nhiều hoạt động thống kê khác cũng đổi mới và phát triển, tập trung vào các lĩnh vực sau :

- Hình thành và từng bước hoàn thiện các bảng phân loại thống kê như bảng phân ngành kinh tế quốc dân, phân ngành sản phẩm, phân loại hình kinh tế, thành phần kinh tế,...

- Đổi mới hệ thống tổ chức điều tra, thu thập thông tin; chế độ hạch toán thống kê, kế toán ở cơ sở và các Bộ, ngành phù hợp với yêu cầu biên soạn Tài khoản quốc gia. Kết hợp giữa thu thập số liệu từ chế độ báo cáo với điều tra thống kê, giữa khai thác số

liệu của các bộ, ngành, của thống kê chuyên ngành, gắn các cuộc điều tra với thống kê thu chi Ngân sách từ Nhà nước, thống kê thuế vụ, thống kê hải quan, thống kê lưu chuyển tiền tệ là hướng đi đúng đắn và hợp lý trong công tác hạch toán, phương pháp chế độ thống kê.

Trong thời kỳ này phương pháp chế độ thống kê TKQG đã có những sản phẩm sau :

- Ban hành chế độ báo cáo thống kê cân đối tài chính áp dụng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Quyết định số: 45/TCTK, ngày 24/4/1992 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

- Ban hành chế độ báo cáo thống kê và một số chỉ tiêu kinh tế tổng hợp theo hệ thống Tài khoản quốc gia áp dụng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Quyết định số: 31/TCTK, ngày 29/3/1994 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

- Ban hành tạm thời chế độ báo cáo thống kê định kỳ Tài khoản quốc gia áp dụng đối với cục thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Quyết định số: 75/2003/QĐ - TCTK ngày 15/1/2003 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê).

- Bên cạnh các chế độ báo cáo thống kê chính thức, để nâng cao chất lượng tính toán và phổ biến rộng rãi nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu của thống kê TKQG, Vụ hệ thống TKQG đã xuất bản nhiều tài liệu hướng dẫn về biên soạn Tài khoản quốc gia ở Việt Nam hàng năm và theo quý; biên soạn Tài khoản quốc gia theo vùng; lập các tài khoản theo khu vực thể chế.

- Để phục vụ cho việc tính toán, lập các tài khoản chủ yếu trong Hệ thống TKQG, Tổng cục Thống kê đã tổ chức các cuộc điều tra chuyên đề về Tài khoản quốc gia. Các phương án điều tra này đóng vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn nghiệp vụ ở cấp Trung ương và địa phương.

Để phục vụ kịp thời hơn yêu cầu của các cấp lãnh đạo Đảng, Nhà nước; của các đối tượng dùng tin khác, công nghệ thông tin đã dần từng bước được áp dụng vào hoạt động thống kê Tài khoản quốc gia ở tất cả các khâu như thu thập, truyền đưa thông tin, tính toán, xử lý, tổng hợp, phân tích thông tin và phổ biến thông tin. Vì vậy, các sản phẩm thông tin thống kê TKQG ngày càng nhiều hơn về số lượng, phong phú hơn về chủng loại, chất lượng thông tin cao hơn...

Một số định hướng phát triển đến năm 2010

Sau hơn 10 năm áp dụng Hệ thống TKQG ở Việt Nam, bên cạnh những kết quả ban đầu rất đáng khích lệ vẫn còn nhiều vấn đề tồn tại cần khắc phục để thống kê TKQG Việt Nam phát triển vững chắc. Trên cơ sở “Chương trình hành động thực hiện định hướng phát triển thống kê Việt Nam đến năm 2010” của Tổng cục Thống kê, nhiệm vụ của thống kê TKQG là hoàn thiện phương pháp và hệ thống thu thập số liệu thống kê để mở rộng áp dụng Hệ thống TKQG của Liên hợp quốc. Việc hoàn thiện công tác thống kê TKQG ở Việt Nam nhằm nâng cao chất lượng hệ thống chỉ tiêu tổng hợp để đáp ứng được yêu cầu chỉ đạo quản lý kinh tế của các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước; của những người dùng tin khác; đồng thời nhằm đưa trình độ thống kê TKQG nói riêng

và thống kê Việt Nam nói chung đạt trình độ tiến tiến so với các nước trong khu vực.

Mục tiêu cần đạt được trong thời gian tới là: tiếp tục nâng cao chất lượng tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp như GDP, GNI, Đẻ dành...; lập các tài khoản: Sản xuất, Tạo thu nhập, Phân bổ thu nhập lần đầu, Phân phối thu nhập lần hai, Sử dụng thu nhập, Vốn và Tài sản, Hàng hóa và Dịch vụ, Quan hệ kinh tế với nước ngoài. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng tính chỉ tiêu GDP theo phương pháp sản xuất và hoàn thiện tính GDP theo phương pháp sử dụng cần nghiên cứu áp dụng tính GDP theo phương pháp thu nhập. Lập bảng Cân đối Liên ngành (I/O) theo chu kỳ 5 năm trên phạm vi toàn quốc và ở một số vùng trọng điểm. Nghiên cứu lập thử nghiệm bảng Nguồn và Sử dụng (SUT) hàng năm và các tài khoản vệ tinh về môi trường, du lịch, y tế, tài khoản kinh tế nông nghiệp và tài khoản khu vực không vì lợi nhuận.

Hoàn thiện quy trình tính toán các chỉ tiêu chủ yếu của hệ thống TKQG phù hợp với thực tế Việt Nam cho cả nước và cho các tỉnh, thành phố. Củng cố, cải tiến công tác thống kê, kế toán ở các cấp, các ngành; tổ chức lại hệ thống thông tin của thống kê chuyên ngành phục vụ tốt hơn cho yêu cầu biên soạn hệ thống TKQG■

Tài liệu tham khảo

1. Bài viết của ông Vũ Hoàng, nguyên Vụ trưởng Vụ thống kê Cân đối và thống kê Tài chính, Ngân hàng, Giá cả. Ngày 30 tháng 01 năm 2002 về “Công tác thống kê tổng hợp”
2. Biên niên sử Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia – Hà nội tháng 8-2004